

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2023

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TP HCM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301986393
- Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 91.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 451/10 Tô Hiến Thành P14, Q10, TP HCM
- Số điện thoại : 028 38533496
- Số fax : 028 38533496
- Website: www.caupha.com
- Mã cổ phiếu : HFB

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển :
 - + Ngày thành lập : 02/6/2000.

Tiền thân Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh là Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 12/05/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV vào ngày 01/10/2010. Trước đó Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố được thành lập theo Quyết định số 7656/QĐ-UB-KT ngày 15/12/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở tách chức năng quản lý, duy tu cầu và chức năng quản lý vận hành phà từ Công ty Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn (được thành lập theo Quyết định số 6590/QĐ-UB-KT ngày 19/11/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố) - nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố là công ty công ích trực thuộc

Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ quản lý và duy tu hệ thống cầu – phà trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý và thực hiện một số hoạt động sản xuất kinh doanh khác trong hoạt động xây dựng công trình giao thông và chính thức hoạt động từ ngày 02/06/2000.

+ Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- 02/06/2000 : Công Ty Quản Lý Công Trình Cầu Phà Thành Phố
- 01/10/2010 : Công Ty TNHH MTV Công Trình Cầu phà TPHCM
- 04/05/2016 : Công Ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà TPHCM

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu : Duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu của thành phố Hồ Chí Minh. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà, duy tu bờ kè, thi công lắp đặt công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng và công nghiệp.

- Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bến Tre, Đồng Tháp...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

1. Đại hội đồng cổ đông

2. Hội đồng quản trị

3. Ban kiểm soát

4. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

5. Các phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế toán tài chính

- Phòng Hành chính nhân sự

- Phòng Chất lượng và thiết bị

6. Các xí nghiệp trực thuộc : 10 xí nghiệp hạch toán phụ thuộc, báo số trực thuộc công ty

4. Định hướng phát triển:

1. Về sản phẩm và thị trường.

a. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh để điều chỉnh cơ cấu doanh thu – lợi nhuận giữa các sản phẩm có doanh thu để giảm đến mức tối thiểu sự phụ thuộc vào sản phẩm dịch vụ công ích. Nghiên cứu tiếp cận các sản phẩm dịch vụ công ích

có liên quan đến công tác bảo trì các tuyến Metro của thành phố, các tuyến cao tốc trong khu vực để tham gia.

b. Tập trung cải tiến quy trình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn để tạo thế mạnh cạnh tranh. Mở rộng thị trường bằng cách tham gia đấu thầu các gói thầu sản phẩm dịch vụ công ích các quận huyện tỉnh thành khác và các lĩnh vực khác như cây xanh, thoát nước trên nguyên tắc hợp tác, liên danh, liên kết với các doanh nghiệp chuyên ngành khác. Phấn đấu đến năm 2025, tham gia và trúng thầu thực hiện một số gói sản phẩm dịch vụ công ích ở thị trường mới hoặc sản phẩm mới. Hợp tác với các tổ chức khoa học, công nghệ, các công ty nước ngoài thí điểm áp dụng công nghệ, vật liệu mới trong lĩnh vực duy tu, bảo trì, sửa chữa, thi công các công trình. Phấn đấu đến năm 2025, có ít nhất 01 sản phẩm mới đưa vào áp dụng thí điểm và cơ bản hoàn thành các thủ tục pháp lý (quy trình, định mức, đơn giá.v.v) để ứng dụng cho công tác bảo trì, sửa chữa công trình trên địa bàn thành phố. Đầu tư các trang thiết bị máy móc phục vụ công tác duy tu, sửa chữa cầu.

c. Thi công xây dựng công trình:

- Giai đoạn 2021-2025: đủ năng lực kỹ thuật để thi công công trình giao thông cấp II giá trị trên 100 tỷ đồng; Đến năm 2025 doanh thu đạt trên 500 tỷ đồng/năm;

- Về sản phẩm xây dựng: Công trình giao thông, bờ kè, cầu cảng là các sản phẩm xây dựng chủ yếu được ưu tiên của công ty giai đoạn 2021-2025.

- Về thị trường: Ưu tiên tham gia dự thầu các dự án do Sở Giao thông vận tải, UBND Quận huyện trên địa bàn thành phố làm chủ đầu tư. Tiếp tục tạo điều kiện để các đơn vị mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận, các chủ đầu tư trong và ngoài nước.

d. Tiếp tục nghiên cứu, tham gia các dự án theo hình thức đối tác công - tư, các dự án có vốn góp của HFIC và các đối tác tin cậy; Nghiên cứu thị trường để phát triển lĩnh vực vật liệu xây dựng.

e. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư xe máy- thiết bị phục vụ thi công để đảm bảo yêu cầu sản xuất. Xây dựng mô hình quản lý xe máy thiết bị để quản lý hiệu quả tài sản công ty.

2. Về tổ chức sản xuất: Trong giai đoạn 2021 – 2025 tiếp tục áp dụng mô hình tổ chức các xí nghiệp trực thuộc, các ban điều hành công trình cấp công ty và các công ty con thực hiện các gói thầu thi công công trình và sản phẩm dịch vụ công ích để tận dụng tối đa nguồn lực. Tiếp tục áp dụng mô hình khoán các chỉ tiêu kế hoạch và khoán trọn gói đối với các đơn vị trực thuộc.

3. Về tổ chức quản lý: Xây dựng hệ thống quản lý hiện đại, áp dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của công ty. Tổ chức lại, tinh gọn bộ máy các phòng nghiệp vụ. Bằng mọi giải pháp đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế.

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Các sản phẩm kinh doanh dịch vụ công ích, xây dựng công trình ... của công ty phần lớn là các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước, do đó, chủ trương và nguồn tài chính công ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu – lợi nhuận của doanh nghiệp.

5.2 Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trong đó nhiều chính sách mang tính đặc thù như các quy định về sản phẩm dịch vụ công ích, quy định chuyên ngành xây dựng, giao thông. Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

5.3 Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro đặc thù trong hoạt động sản xuất

Hoạt động xây dựng, thi công công trình là một trong những hoạt động có rủi ro về tai nạn lao động. Sự cố có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu các quy trình, quy định về an toàn lao động – bảo hộ lao động không được thực hiện nghiêm túc hoặc do có sự bất cẩn của con người. Trong điều kiện đặc thù của các công trình giao thông (vừa thi công vừa đảm bảo giao thông) thì khả năng xảy ra sự cố càng lớn. Do đó, việc phân tích, quản lý rủi ro này bằng nhiều biện pháp trong đó có bảo hiểm cho hoạt động xây dựng và trách nhiệm đối với người thứ ba là điều bắt buộc.

b. Rủi ro từ các đối tác kinh doanh

Trong hoạt động kinh doanh sự ràng buộc giữa các chủ thể dân sự thông qua hợp đồng kinh tế. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp đối tác kinh doanh/khách hàng không thực hiện đúng trách nhiệm đã cam kết vì nhiều lý do. Đây là rủi ro tiềm ẩn cần có sự quản lý như: tìm hiểu kỹ về thông tin khách hàng trước khi ký kết hợp đồng, nghiên cứu kỹ các điều khoản hợp đồng có sự trợ giúp của tư vấn pháp luật, trích lập dự phòng tài chính để kiểm soát các rủi ro này.

c. Rủi ro về sự biến động giá, lạm phát

Các hợp đồng thi công các gói thầu xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật thường có thời gian dài. Các biến động về giá nguyên vật liệu, xăng dầu, năng lượng đều có sự tác động lớn về giá thành/lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó việc lập kế hoạch chi tiết để thi công các gói thầu lớn có tính đến các rủi ro tiềm ẩn là một việc bắt buộc.

5.4 Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Số liệu căn cứ báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	400.000.000.000	462.820.464.346	115,71%
Tổng chi phí	387.900.000.000	451.792.150.057	116,47%
Lợi nhuận trước thuế	12.100.000.000	11.028.314.289	91,14%
Lợi nhuận sau thuế	9.700.000.000	8.778.700.292	90,50%
Chi trả cổ tức	7.735.000.000	7.735.000.000	100,00%

- Doanh thu : Đạt 115,71% kế hoạch

- Lợi nhuận : Đạt 90,5% kế hoạch.

- Cổ tức : Đạt 100% kế hoạch.

a. Hoạt động dịch vụ công quản lý duy tu công trình giao thông:

Về doanh thu:

- Doanh thu kế hoạch: 185.000 triệu;

- Doanh thu thực hiện: 199.726 triệu (Đạt 108% KH)

Giá trị thực hiện tăng so với kế hoạch do cơ quan quản lý được bổ sung vốn để thực hiện thêm một số nhiệm vụ cấp bách.

Về tình hình thực hiện:

Năm 2023 là năm thứ hai thực hiện hợp đồng năm 2022-2024 với các cam kết đổi mới phương thức thực hiện, đầu tư trang thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý. Để đáp ứng với yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ công đã cam kết với cơ quan quản lý, trong năm qua, công ty đã thực hiện nhiều giải pháp: đầu tư trang thiết bị, công nghệ: gắn camera trên – dưới cầu, thiết bị flycam phục vụ công tác kiểm tra cầu, tổ chức quan trắc tự động cầu. Đầu tư phần mềm tuần tra, kiểm tra, cảnh báo ngập, cháy, mất nguồn điện trong các công trình hầm và các

phần mềm cập nhật, lưu trữ thông tin quản lý công trình, tổ chức hội thảo công nghệ...

Với những nỗ lực trên, bước đầu, công ty nhận được sự đánh giá tốt của cơ quan quản lý. Đây là ghi nhận quan trọng, làm nền tảng cho chiến lược giữ vững thị trường sản phẩm dịch vụ công quản lý, bảo trì hệ thống cầu đường bộ trên địa bàn thành phố.

Ngoài ra, Công ty đã có nhiều nỗ lực để phát triển hoạt động sản phẩm dịch vụ công khác như:

- Tiếp tục giữ vững thị trường duy tu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa năm 2023.

- Tham gia và trúng thầu 03 gói thầu duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đây cũng là bước đi mới để tận dụng ưu thế về nguồn lực, kinh nghiệm, sự am hiểu về lĩnh vực giao thông đường bộ, giao thông đô thị của công ty. Đồng thời cũng là tiền đề để nghiên cứu tham gia các lĩnh vực mới như hệ thống metro, giao thông thông minh .v.v. trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận.

b. Hoạt động kinh doanh thi công xây dựng công trình và kiểm định cầu.

Năm 2023, giá trị hợp đồng được ký kết mới: 340 tỷ đồng. Tổng giá trị hợp đồng thực hiện năm 2023 là 893 tỷ đồng, trong đó giá trị năm 2022 chuyển sang là 553 tỷ đồng. Đặc biệt năm 2023, công ty trúng thầu và ký kết hợp đồng 03 gói thầu xây lắp thuộc dự án: Xây dựng hạ tầng và cải tạo môi trường Kênh Tham Lương-Bến Cát - Rạch Nước Lên và 01 gói thầu thuộc dự án Mở rộng – nâng cấp QL50. Đây là các dự án lớn, trọng điểm tại TP.HCM. Việc tham gia các gói thầu thuộc dự án này góp phần nâng cao năng lực kỹ thuật, năng lực kinh nghiệm của công ty trong thời gian tới. Thị trường TP Hồ Chí Minh

- Doanh thu kế hoạch: 214.600 triệu đồng;

- Doanh thu thực hiện: 261.741 triệu đồng (Đạt 122% KH);

c. Kiểm soát dự toán chi được duyệt theo nghị quyết số 06/NQ-CPTP-HDQT ngày 06/01/2023 của Hội đồng quản trị.

- Tổng chi phí quản lý được duyệt: 25.256 triệu đồng;

- Tổng chi phí quản lý thực chi 24.493 triệu đồng;

Tiết kiệm dự toán: 763 triệu đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

a. Ông Lê Hữu Châu : Tổng Giám đốc

+ Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 8,71% vốn điều lệ

+ Tỷ lệ được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ

b. Ông Vũ Tiến Đạt : Phó Tổng Giám đốc

+ Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 1,02% vốn điều lệ

c. Ông Phạm Ngọc Thành : Phó Tổng Giám đốc

- + Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 1,06% vốn điều lệ
- d. Ông Nguyễn Quang Huy : Phó Tổng Giám đốc
- + Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,6% vốn điều lệ
- e. Bà Lê Nga Phương : Kế toán trưởng
- + Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,13% vốn điều lệ

Ghi chú : Ngày chốt danh sách sở hữu là ngày 05/06/2023

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng lao động đến thời điểm 31/12/2023 : 344 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a. Các khoản đầu tư lớn : Không

b. Công ty con :

Công ty đã thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 về việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH đầu tư - xây dựng công trình cầu phà, với giá chuyển nhượng phần vốn góp là 4.163.171.070 đồng. Việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty cổ phần công trình cầu phà TP. Hồ Chí Minh tại Công ty TNHH đầu tư - xây dựng công trình cầu phà đã hoàn tất và đúng theo quy định của pháp luật.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2023	2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	469.663.575.825	443.518.960.157	5,89
Doanh thu thuần	461.468.193.063	436.663.229.282	5,68
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.025.143.603	11.762.353.933	(6,27)
Lợi nhuận khác	3.170.686	13.983.826	(77,33)
Lợi nhuận trước thuế	11.028.314.289	11.776.337.759	(6,35)
Lợi nhuận sau thuế	8.778.700.292	9.370.149.542	(6,31)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8,5%	8,5%	100,00%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2023	2022
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,19	1,16
+ Hệ số thanh toán nhanh		
<u>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</u>	0,88	0,91
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,78	0,77
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,56	3,42
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	3,71	4,57
+ Vòng quay tổng tài sản : Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,98	0,98
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,03

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 9.100.000 cổ phần, trong đó có 9.031.000 cổ phần tự do chuyển nhượng và 69.000 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của người sở hữu.

b. Cơ cấu cổ đông : Ngày chốt danh sách sở hữu là ngày 05/06/2023

- Cổ đông lớn (trên 5% CP có quyền biểu quyết): 7.104.200 CP (78,06%) và cổ đông nhỏ (dưới 5% CP có quyền biểu quyết) : 1.995.800 CP (21,94%).

- Cổ đông tổ chức : 3.640.000 CP (40%) và cổ đông cá nhân : 5.460.000 CP (60%)

- Cổ đông trong nước : 9.100.000 CP (100%)

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : không

e. Các chứng khoán khác : không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm : 247.189.100.380 đồng

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : không

6.3. Tiêu thụ năng lượng :

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp :

Điện năng tiêu thụ 2023: 129.840 kw

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : không

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : không

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước : Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân, lượng nước sử dụng 2023 : 1.187 m³

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : không

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động của công ty tại ngày 31/12/2023 là 344 người, mức lương trung bình của người lao động : 12.926.598/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty chấp hành nghiêm túc pháp luật lao động và đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN).

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2023 theo thỏa ước lao động tập thể tại Trung tâm chẩn đoán y khoa Medic. Phụ cấp bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật được công ty cấp cho người lao động đúng quy định. Tổ chức cho người lao động tham quan nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể.

- Thực hiện giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thăm hỏi, hiếu hỷ trợ cấp khó khăn. Chăm lo cho các cháu thiếu nhi là con của người lao động, tặng quà, trao học bổng cho các cháu nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo.

- Tổ chức hội nghị người lao động định kỳ năm và 01 đợt hội nghị đối thoại năm 2023 theo quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Toàn bộ người lao động ở từng vị trí công tác đều có chứng chỉ, bằng cấp chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao:

- 100% công nhân có chứng chỉ nghề từ bậc 3/7 trở lên và được huấn luyện ATLD và Phòng cháy chữa cháy;

- 100% người lao động khối gián tiếp được huấn luyện ATLD và PCCC.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Năm 2023 công ty thực hiện công tác xã hội trao quà cho 100 hộ nghèo, neo đơn tại quận Gò Vấp và 200 hộ nghèo tại xã Nhuận Đức huyện Củ Chi. Công ty đóng góp kinh phí xây dựng cầu Đoàn Kết thuộc khóm Tân Huệ, phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc.

Trong năm công ty cũng đã hỗ trợ kinh phí cho quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh của Công đoàn công ty Đầu tư tài chính nhà nước TPHCM, chi hỗ trợ Đoàn thanh niên công ty thực hiện công trình thanh niên “Chung cư Thanh niên” cùng với Đoàn Quận 10.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN : không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2023 là năm chính thức công ty phải áp dụng khoa học, công nghệ vào quản lý theo cam kết tại các điều khoản hợp đồng sản phẩm dịch vụ công. Do đó chi phí đầu tư, chi phí quản lý và thiết bị quản lý tăng.

Chi phí thi công phát sinh từ việc chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng để thi công do vướng đền bù giải tỏa như chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng, chi phí thuê xe máy thiết bị, chi phí đảm bảo giao thông, quản lý công trường...

Do đặc thù các gói thầu công ty thi công trong giai đoạn khủng hoảng về nguồn vật liệu. Đặc biệt là cát và đất đắp. Do đó tiến độ thi công bị kéo dài và chi phí công trình tăng. Đây là khó khăn lớn và chưa có giải pháp khắc phục dự báo kéo dài qua năm 2024.

Một số rủi ro khách quan trong quá trình sản xuất, điều chỉnh giảm quyết toán của các gói thầu sản phẩm dịch vụ công và công trình vốn ngân sách khi được thẩm tra duyệt quyết toán cũng gây ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Với những khó khăn chung của cả nước, thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2023, việc công ty hoàn thành 115% kế hoạch doanh thu, 90% lợi nhuận và 100% lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông là nỗ lực rất lớn của toàn thể lãnh đạo, nhân viên và người lao động công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2023	2022	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ %
A. Tài sản ngắn hạn	436.602.558.201	399.178.675.098	37.423.883.103	9,38
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.991.409.705	59.265.758.267	(13.274.348.562)	(22,40)
Các khoản phải thu ngắn hạn	239.298.579.020	232.407.562.742	6.891.016.278	2,97
Hàng tồn kho	114.770.368.948	88.443.340.022	26.327.028.926	29,77
Tài sản ngắn hạn khác	36.542.200.528	19.062.014.067	17.480.186.461	91,70
B. Tài sản dài hạn	33.061.017.624	44.340.285.059	(11.279.267.435)	(25,44)
Tài sản cố định	29.925.531.343	35.737.055.636	(5.811.524.293)	(16,26)
Đầu tư tài chính dài hạn		3.900.000.000	(3.900.000.000)	(100,00)
Tài sản dài hạn khác	3.135.486.281	4.703.229.423	(1.567.743.142)	(33,33)
Tổng cộng tài sản	469.663.575.825	443.518.960.157	26.144.615.668	5,89

- Tài sản ngắn hạn tăng 37.423.883.103 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 9,38% chủ yếu là do tăng hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác.

- Tài sản dài hạn giảm 11.279.267.435 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 25,44% là do trích khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2023 và thu hồi vốn đầu tư vào công ty con.

- Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản là 0,98 cứ 1đ tài sản tạo ra 0,98đ doanh thu bằng với năm 2022. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 0,02 cứ 1đ tài sản mang về 0,02đ lợi nhuận bằng với năm 2022.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2023	2022	Mức tăng	Tỷ lệ %
C. Nợ phải trả	366.771.314.158	343.246.196.830	23.525.117.328	6,85
Nợ ngắn hạn	366.771.314.158	343.246.196.830	23.525.117.328	6,85
D. Vốn chủ sở hữu	102.892.261.667	100.272.763.327	2.619.498.340	2,61
Vốn chủ sở hữu	102.892.261.667	100.272.763.327	2.619.498.340	2,61
Tổng nguồn vốn	469.663.575.825	443.518.960.157	26.144.615.668	5,89

- Nợ phải trả tăng 23.525.117.328 đồng tương ứng với tỷ lệ 6,85 %, chủ yếu là tăng khoản phải trả người bán, khoản phải trả khác.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2023 đảm bảo khả năng thanh toán là 1,19 tăng so với năm 2022, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn đảm bảo là 3,56 tăng so với năm 2022.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục thực hiện, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ công ty có thể mạnh: sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động của công ty. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

- Sản phẩm dịch vụ công vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động doanh nghiệp. Việc tập trung thực hiện tốt năm cuối hợp đồng 2022-2024 và chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực tốt nhất để tham gia đấu thầu năm 2025 là nhiệm vụ quan trọng trong năm 2024. Việc giữ vững thị trường bằng năng lực cạnh tranh, chất lượng, sự thỏa mãn khách hàng là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Tinh giảm, hợp lý hóa đội ngũ nhân lực thực hiện, áp dụng công nghệ mới trong quản lý là điều kiện bắt buộc. Bên cạnh đó, tìm kiếm và tiếp tục tham gia vào một số lĩnh vực quản lý, duy tu, bảo trì mới như : duy tu- bảo trì hạ tầng vận tải công cộng, quản lý bảo trì hạ tầng khu công nghiệp, tuyến Metro.... là những định hướng sẽ được thực hiện trong năm 2024.

- Liên danh, liên kết để tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Xem sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu. Tiếp tục hỗ trợ để các gói thầu do Công ty thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

a. Hoạt động sản xuất kinh doanh :

Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để hoàn thành đúng các điều khoản hợp đồng với cơ quan đặt hàng với chất lượng và sự thỏa mãn khách hàng ngày càng được cải thiện. Các giải pháp nâng cao hiệu quả và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước mang lại những kết quả tích cực như, năng lực kỹ thuật thi công từng bước được nâng cao, thị trường được mở rộng, đa dạng hóa sản phẩm. Tiềm lực, tiềm năng phát triển của công ty là khả quan.

Công ty đã thực hiện đầu tư thêm xe máy thiết bị, trang bị công nghệ để phục vụ công tác kiểm tra cầu, tổ chức quan trắc tự động, đầu tư các phần mềm, ứng dụng trong công tác quản lý... Công ty đã nhận được sự đánh giá tốt của cơ quan quản lý, đây là ghi nhận quan trọng, làm nền tảng cho việc giữ vững thị trường sản phẩm dịch vụ công quản lý, bảo trì hệ thống cầu đường bộ trên địa bàn thành phố.

Ngoài ra, Công ty cũng đã nỗ lực, tiếp tục giữ vững thị trường duy tu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, tham gia và trúng thầu 03 gói thầu duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đây cũng là bước đi mới để tận dụng ưu thế và nguồn lực, kinh nghiệm, sự am hiểu về lĩnh vực giao thông đường bộ, giao thông đô thị của công ty, đồng thời cũng là tiền đề để nghiên cứu tham gia các lĩnh vực mới như hệ thống metro, giao thông thông minh..v.v..trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận.

b. Đánh giá chung.

Năm 2023 được đánh giá là năm gặp nhiều khó khăn trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần công trình cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó các những vấn đề chủ yếu như:

- Là năm chính thức công ty phải áp dụng khoa học, công nghệ vào quản lý theo cam kết tại các điều khoản hợp đồng sản phẩm dịch vụ công. Do đó chi phí đầu tư, chi phí quản lý và thiết bị quản lý tăng. Bên cạnh đó, do các vướng mắc về

thủ tục nên việc nghiệm thu, thanh toán khối lượng phát sinh chậm. Do đó, công ty gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn cho hoạt động sản xuất.

- Điều chỉnh giảm quyết toán của các gói thầu sản phẩm dịch vụ công và công trình vốn ngân sách khi được thẩm tra duyệt quyết toán cũng gây ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của công ty.

- Chi phí thi công phát sinh từ việc chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng để thi công do vướng đền bù giải tỏa như chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng, chi phí thuê xe máy thiết bị, chi phí đảm bảo giao thông, quản lý công trường so với tổng dự toán năm 2023.

- Do đặc thù các gói thầu công ty thi công trong giai đoạn khủng hoảng về nguồn vật liệu như: bê tông nhựa nóng, xi măng, thép xây dựng, bê tông tươi, cát, đá đều tăng. Đặc biệt là cát và đất đắp. Do đó tiến độ thi công bị kéo dài và chi phí công trình tăng. Đây là khó khăn lớn và chưa có giải pháp khắc phục dự báo kéo dài qua năm 2024.

- Việc mở rộng thị trường sang các tỉnh miền Tây nam bộ là một bước đi đúng thể hiện trên số lượng và giá trị công trình. Tuy nhiên, việc thi công các công trình ở xa cũng còn nhiều khó khăn về công tác quản lý, phát sinh chi phí, nhân lực thiết bị phân tán. Đặc thù các công trình giao thông nông thôn là điều kiện thi công khó khăn, nguồn vật liệu khó tìm, thời gian thi công kéo dài, phụ thuộc vào thời tiết, thủy văn... Do đó, tính hiệu quả về lợi nhuận còn hạn chế.

- Với những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã nêu ở trên, việc Công ty đã thực hiện hoàn thành 115,71% kế hoạch doanh thu; 91,14% kế hoạch lợi nhuận và 100% lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông (mức 8,5%) là nỗ lực rất lớn của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể người lao động của công ty.

- Công ty đã đảm bảo việc làm, các quyền, lợi ích hợp pháp, ổn định thu nhập cho người lao động. Các hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

- Trong quản lý và điều hành doanh nghiệp: Hội đồng Quản trị, Ban điều hành thực hiện nhiều biện pháp tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động doanh nghiệp. Đảm bảo tính tuân thủ, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Hội đồng thành quản trị và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Thể chế hóa, điều chỉnh, bổ sung các quy chế nội bộ đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ quy định nhà nước trong quản lý. Tích cực xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu tổ chức và sản phẩm hoạt động các đơn vị phù hợp với mô hình hoạt động của doanh nghiệp.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua, trong quá

trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho công ty.

Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát. Tình hình tài chính được kiểm soát tốt. Vốn nhà nước và vốn góp của cổ đông được bảo toàn.

HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng giám đốc theo thẩm quyền được giao theo Điều lệ và quy chế làm việc của HĐQT.

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

Yêu cầu Tổng Giám đốc tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo định kỳ hàng tháng cho HĐQT về các lĩnh vực hoạt động của Công ty, để HĐQT nghị quyết định hướng nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động ở từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024.

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty là tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. HĐQT sẽ phối hợp với Tổng Giám đốc, Ban điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

3.1.1 Thực hiện kế hoạch chỉ tiêu của năm 2024, cụ thể:

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Kế hoạch 2024
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	400.000	462.820	450.000
2	Lợi nhuận trước thuế	12.100	11.028	8.500
3	Lợi nhuận sau thuế	9.680	8.778	6.800
4	Lợi nhuận chia cổ tức	7.735	7.735	5.460
5	Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	8,5%	8,5%	6,0%

a) Về sản phẩm dịch vụ công: Sản phẩm dịch vụ công trong giai đoạn 2022-2024 vẫn là lĩnh vực nắm vai trò quan trọng, then chốt trong hoạt động sản xuất doanh nghiệp. Hoạt động này mang lại nguồn thu ổn định, đảm bảo duy trì bộ máy nhân lực và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Năm 2024 là năm cuối thực hiện gói thầu sản phẩm dịch vụ công ích quản lý bảo trì hệ thống cầu đường bộ năm 2022-2024. Đồng thời kế thừa và thực hiện một phần hợp đồng Sở GTVT chuyển giao cho TP. Thủ Đức (47 công trình cầu).

Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2024 là hoàn thành ở mức cao nhất hợp đồng 2022-2024 và tập trung tham gia đấu thầu các gói thầu sản phẩm dịch vụ công năm 2025. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và khó khăn cần có chiến lược, phương án và sự nỗ lực toàn công ty.

b) Hoạt động thi công xây dựng công trình:

Dự báo hoạt động thi công xây dựng công trình tiếp tục khó khăn trong năm 2024: Năng lực kỹ thuật công ty còn nhiều hạn chế, nguồn công trình ít, tính cạnh tranh trên thị trường gay gắt hơn. Tuy nhiên, một số gói thầu được ký kết cuối năm 2023 chuyển tiếp sang là nền tảng để công ty duy trì hoạt động và chuẩn bị để tham gia các gói thầu mới trong năm 2024. Các khó khăn về mặt bằng và nguồn vật liệu tiếp diễn trong năm 2024.

c) Về doanh thu: Doanh thu năm 2024 vẫn dựa vào 02 nhóm sản phẩm chính là sản phẩm dịch vụ công và thi công xây dựng công trình.

- Sản phẩm dịch vụ công: Tiếp tục thực hiện hợp đồng 2022-2024, công ty nỗ lực hoàn thành 100% giá trị hợp đồng năm 2024;

- Thi công công trình: Tổng giá trị hợp đồng đang thực hiện năm 2023 chuyển sang 2024 là nền tảng để duy trì hoạt động sản xuất. Trong năm 2024 công ty nỗ lực để tham gia dự thầu và ký kết hợp đồng mới để đảm bảo mức doanh thu kế hoạch.

d) Về lợi nhuận:

- Về lợi nhuận kế hoạch: Mặc dù nỗ lực để tăng doanh thu nhưng dự kiến các khoản chi phí hoạt động sản xuất và quản lý doanh nghiệp tăng do:

+ Hạch toán một phần doanh thu bị cắt giảm khi chủ đầu tư phê duyệt quyết toán hoạt động sản phẩm dịch vụ công ích năm 2014-2016. Dự kiến phân bổ dần trong các năm tiếp theo.

+ Tăng một số chi phí để bổ sung năng lực phục vụ công tác đấu thầu sản phẩm dịch vụ công năm 2025;

+ Tăng chi phí theo cam kết ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động quản lý, bảo trì công trình cầu gồm: Chi phí thử nghiệm hệ thống quan trắc cầu tân thuận 1, chi phí lắp đặt và duy trì hệ thống camera quan sát, phân bổ chi phí đầu tư thiết bị flycam, chi phí đầu tư, nâng cấp, vận hành các phần mềm quản lý cầu, chi phí tổ chức các hội nghị khoa học về ứng dụng công nghệ, vật liệu mới vào sản xuất và các chi phí nâng cao chất lượng sản phẩm khác...

+ Dự phòng giá nguyên vật liệu tăng cao, nhất là tình trạng khan hiếm các vật liệu từ tài nguyên (Cát, đất, đá, v.v).

Do đó, dự kiến lợi nhuận kế hoạch (trước thuế) đề xuất là 8.500 triệu đồng tương đương với 9,34% vốn điều lệ.

đ) Về phân phối lợi nhuận.

Với tổng lợi nhuận kế hoạch sau thuế 6.800 triệu đồng, Tổng giám đốc đề xuất mức lợi nhuận chia cổ tức 6% vốn điều lệ với tổng giá trị 5.460 triệu đồng. phần còn lại 1.370 trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định.

3.1.2 Bảo toàn vốn góp của cổ đông; đảm bảo vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp được hiệu quả và phát triển. Các hoạt động tài chính minh bạch, an toàn. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

3.1.3 Tăng cường giám sát hoạt động của công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn vốn của cổ đông, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới; cải thiện hơn nữa công tác quản lý dòng tiền nhằm góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh và đảm bảo an toàn thanh khoản.

3.1.4 Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của người lao động, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của công ty. Tăng cường đào tạo trình độ nghiệp vụ của bộ phận quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, tài chính kế toán, quản trị doanh nghiệp...

3.1.5 Tiếp tục hoàn thiện các mô hình sản xuất: Tạo sự chủ động, hỗ trợ đơn vị kích thích sản xuất nhưng vẫn đảm bảo sự kiểm soát của công ty. Tiếp tục nỗ lực giữ vững thị trường sản phẩm dịch vụ công ích và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh bằng chất lượng, tính chuyên nghiệp và thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

3.1.6 Tiếp cận và nghiên cứu tham gia các hình thức kinh doanh, lĩnh vực mới có nhiều tiềm năng và phát triển các sản phẩm mới như khai khoáng, sản xuất vật liệu...

3.1.7 Xây dựng các giải pháp để triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển Công ty, trong đó xây dựng được về sản phẩm, lĩnh vực hoạt động thế mạnh của Công ty, nhu cầu về vốn, về số lượng trang thiết bị của công ty cần trang bị, đầu tư trong từng năm; Giải pháp huy động vốn.

3.1.8 Đảm bảo duy trì sự ổn định và phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn của doanh nghiệp.

3.2. Biện pháp thực hiện.

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp, cụ thể:

3.2.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Chuyên nghiệp hóa, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ Công ty có thế mạnh: Sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động, Công ty cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, thiết bị, nhân lực để chuyên nghiệp hóa, tạo thương hiệu và uy tín trên thị

trường. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

b) Sản phẩm dịch vụ công ích vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty, việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, công nghệ, giá thành và sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ hết sức quan trọng, để ổn định và phát triển công ty.

c) Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường là nhiệm vụ chiến lược trong việc tham gia xây dựng công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật. Đầu tư phát triển các sản phẩm đặc thù áp dụng các công nghệ, vật liệu mới trong hoạt động xây dựng và sửa chữa công trình giao thông. Duy trì tốt các thị trường truyền thống, tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận.

d) Tiếp tục phát triển sản phẩm, đa dạng hình thức kinh doanh: Hoạt động kiểm định cầu, cho thuê xe máy thiết bị, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng, cung ứng và quản lý nguồn lao động, sản xuất cấu kiện cơ khí giao thông, khai khoáng, cấu kiện bê tông đúc sẵn...

e) Cam kết cung cấp dịch vụ quản lý và các dịch vụ hỗ trợ để các dự án do Công ty nhận thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

3.2.2 Nâng cao năng lực quản lý

a) Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, biểu mẫu... phù hợp với những thay đổi của chính sách pháp luật Nhà nước; kiện toàn bộ máy tổ chức ở các đơn vị trực thuộc cũng như khối văn phòng Công ty nhằm nâng cao hiệu lực thực thi các văn bản trên và tăng cường cải cách hành chính. Chú trọng giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

b) Tăng cường ổn định chính trị, nâng cao tính kỷ cương kỷ luật và quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

c) Đổi mới tư duy, chủ động đề xuất các giải pháp hợp lý để thực hiện công việc quản lý ngày càng khoa học, hiệu quả và đảm bảo chế độ chính sách; thường xuyên quan hệ tốt với địa phương, các cấp các ngành để tranh thủ sự hỗ trợ.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị :

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP được HFIC ủy quyền	Tỷ lệ
1	Trần Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	73.500	1.365.000	15,81%
2	Lê Hữu Châu	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	793.000	1.365.000	23,71%

3	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT	0	546.000	6,00%
4	Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên HĐQT	700.000		7,69%
5	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	54.600		0,60%

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Trần Minh Trung	10/10	100%	
02	Lê Hữu Châu	10/10	100%	
03	Tạ Thị Hồng Tâm	10/10	100%	
04	Nguyễn Quang Huy	10/10	100%	
05	Nguyễn Thanh Hải	05/10	50%	Được bổ nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 26/4/2023

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên Ban kiểm soát :

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP đại diện chủ sở hữu	Tỷ lệ
1	Lê Mạnh Thu	Trưởng ban	43.000	0	0,47%
2	Trần Thái Phương	Thành viên	0	364.000	4,00%
3	Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	1.300	0	0,01%

b. Hoạt động Ban kiểm soát :

Stt	Thành viên BKS	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Lê Mạnh Thu	05	100%	100%	
2	Trần Thái Phương	05	100%	100%	
3	Trịnh Lê Quang Vinh	05	100%	100%	

Ban kiểm soát hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại điều lệ do Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua.

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức giám sát, kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu sau đây:

- Giám sát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Giám sát tình hình hoạt động Ban điều hành và bộ máy quản lý thực hiện Nghị quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT;

- Ban kiểm soát thường xuyên tham gia các cuộc họp định kỳ, đột xuất do HĐQT tổ chức mời họp, để tham gia đóng góp ý kiến, thực hiện giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Ban điều hành theo Nghị quyết của HĐQT và Đại hội cổ đông;

Trong năm 2023 đã xem xét một số nội dung quan trọng sau:

+ Thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng giám đốc;

+ Thẩm định mức thu lao chi trả và thưởng lương tháng 13 cho Ban lãnh đạo năm 2022 (HĐQT, BKT, BHD, Người phụ trách quản trị Công ty)

+ Thẩm định hồ sơ đề nghị thoái vốn HFBC tại Công ty TNHH ĐTXD Công trình Cầu Phà;

+ Thẩm định danh mục thanh lý tài sản sau khi kiểm kê;

+ Lấy ý kiến bổ sung, điều chỉnh về dự thảo Quy chế hoạt động sản xuất kinh doanh; Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động; Điều lệ hoạt động Công ty;

+ Đề xuất đơn vị báo cáo kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của công ty năm 2023, được Đại hội cổ đông 2023 thông qua tại ngày 26/4/2023.

+ Phê duyệt danh mục đầu tư xe máy thiết bị năm 2023 phục vụ hoạt động công ích duy tu cầu và thi công công trình;

+ Lấy ý kiến về thời gian chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2022;

+ Lấy ý kiến về các khoản mục dự chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 cho người lao động.

+ Ủy quyền Tổng giám đốc ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng BIDV và MB (Ngân hàng Quân đội);

+ Xem xét tính hợp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, đã theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của Công ty cổ phần theo đúng quy định của pháp luật;

+ Thẩm định Báo cáo tài chính năm của Công ty; phối hợp với Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCs) xem xét ảnh hưởng các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán nêu ra;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

a. Tiền lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích :

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền lương	Thưởng	Tổng
I. Hội đồng quản trị						
1	Trần Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	348.000.000		29.000.000	377.000.000

2	Lê Hữu Châu	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	60.000.000	300.000.000	32.000.000	392.000.000
3	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT (T5-T12/2023)	40.000.000		3.333.333	43.333.333
4	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên HĐQT (T1-T4/2023)	20.000.000		1.666.667	21.666.667
5	Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên HĐQT	60.000.000		5.000.000	65.000.000
6	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	248.400.000	29.000.000	337.400.000
7	Dương Đắc Chí	Phụ trách quản trị	60.000.000		5.000.000	65.000.000
II. Ban Kiểm soát						
1	Lê Mạnh Thư	Trưởng ban	300.000.000		25.000.000	325.000.000
2	Trần Thái Phương	Thành viên	36.000.000		3.000.000	39.000.000
3	Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	36.000.000		3.000.000	39.000.000
III. Ban giám đốc						
1	Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng giám đốc		248.400.000	24.000.000	272.400.000
2	Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng giám đốc		248.400.000	24.000.000	272.400.000
3	Lê Nga Phương	Kế toán trưởng		240.000.000	22.000.000	262.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ :

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Trần Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	73.500	0,81%
2	Lê Hữu Châu	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	793.000	8,71%
3	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT	0	0%

5	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	54.600	0,60%
6	Lê Mạnh Thư	Trưởng ban KS	43.000	0,47%
7	Trần Thái Phương	Thành viên BKS	0	0%
8	Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên BKS	1.300	0,01%
9	Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	96.300	1,06%
10	Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	93.000	1,02%
11	Lê Nga Phương	Kế Toán trưởng	12.100	0,13%
12	Dương Đắc Chí	Người phụ trách quản trị	3.100	0,03%

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán*: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán*:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính : www.caupha.com

Ngày 08 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Tổng Giám đốc

LÊ HỮU CHÂU

Đính kèm báo cáo tài chính tổng hợp



Báo cáo tài chính tổng hợp
đã được kiểm toán

**CTCP CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Báo cáo tài chính tổng hợp
của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023
đã được kiểm toán**

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38.205.944

Fax: (028) 38.205.942

Website: www.aascs.com.vn

Email: info@aascs.com.vn

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
- Bảng cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	12 - 34

33050
CÔ
T
DỊCH V
.I CHÍN
VÀ KH
PH
/ - T.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CTCP Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Chín mươi một tỷ đồng.

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng công trình

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích: Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa công trình giao thông; Duy tu sửa chữa công trình đường thủy; Quản lý bảo trì hệ thống thoát nước xử lý nước thải.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Xây dựng công trình giao thông (công trình thủy nội địa, công trình hàng hải, cầu cảng, bến tàu, cầu tàu); Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; ...

- Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Mô hình hoạt động :

Văn phòng công ty và các Xí nghiệp trực thuộc, trong đó:

- Văn phòng	Quản lý chung
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 10	Thi công công trình giao thông

II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

III CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
- Hội đồng Quản trị		
Ông Trần Minh Trung	Chủ tịch	Ngày 26/04/2021
Ông Lê Hữu Châu	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Bà Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Ngày 26/04/2023
- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
Ông Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	Ngày 26/04/2021
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12/05/2021
Ông Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12/05/2021
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15/11/2022
Bà Lê Nga Phương	Kế toán trưởng	Ngày 12/05/2021
- Ban Kiểm soát		
Ông Lê Mạnh Thu	Trưởng ban	Ngày 26/04/2021
Ông Trần Thái Phương	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Ông Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	Ngày 26/04/2021



Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

VI CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp này;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Duyệt, ngày 06 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



LÊ HỮU CHÂU

Số: 164 /BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp được lập ngày 06/03/2024 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc - CTCP Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh, trình bày từ trang 7 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc CTCP Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc
TNHH
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Văn Tuấn

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1091-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		436.602.558.201	399.178.675.098
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.991.409.705	59.265.758.267
Tiền	111		33.491.409.705	44.765.758.267
Các khoản tương đương tiền	112		12.500.000.000	14.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		239.298.579.020	232.407.562.742
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	190.680.991.406	170.804.133.850
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27.471.536.976	28.067.645.613
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	29.311.382.982	41.701.115.623
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(8.165.332.344)	(8.165.332.344)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	114.770.368.948	88.443.340.022
Hàng tồn kho	141		114.770.368.948	88.443.340.022
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.542.200.528	19.062.014.067
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	24.259.883.230	12.638.380.941
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	9.203.665.579	5.984.586.716
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	3.078.651.719	439.046.410
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.061.017.624	44.340.285.059
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.925.531.343	35.737.055.636
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	29.677.031.349	35.417.555.638
- Nguyên giá	222		91.761.336.437	91.539.731.892
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.084.305.088)	(56.122.176.254)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	248.499.994	319.499.998
- Nguyên giá	228		528.100.000	528.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(279.600.006)	(208.600.002)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	-	3.900.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	3.900.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.135.486.281	4.703.229.423
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.135.486.281	4.703.229.423
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		469.663.575.825	443.518.960.157



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		366.771.314.158	343.246.196.830
I. Nợ ngắn hạn	310		366.771.314.158	343.246.196.830
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	113.719.925.012	98.115.421.142
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		109.312.653.573	103.091.291.869
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	584.022.111	1.521.105.217
Phải trả người lao động	314		6.661.477.932	2.970.918.655
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	106.155.379.831	101.728.772.292
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	31.030.764.151	36.460.548.061
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(692.908.452)	(641.860.406)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.892.261.667	100.272.763.327
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	102.892.261.667	100.272.763.327
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.113.561.375	3.113.561.375
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.778.700.292	6.159.201.952
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	429.052.410
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.778.700.292	5.730.149.542
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		469.663.575.825	443.518.960.157

TP. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	461.468.193.063	436.663.229.282
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		461.468.193.063	436.663.229.282
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	426.193.427.291	404.284.355.908
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.274.765.772	32.378.873.374
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.273.004.127	948.200.221
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.029.656.826	1.473.111.788
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		956.929.553	1.473.111.788
Chi phí bán hàng	25	VI.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24.492.969.470	20.091.607.874
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.025.143.603	11.762.353.933
Thu nhập khác	31	VI.5	79.267.156	24.432.384
Chi phí khác	32	VI.6	76.096.470	10.448.558
Lợi nhuận khác	40		3.170.686	13.983.826
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.028.314.289	11.776.337.759
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	2.249.613.997	2.406.188.217
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		8.778.700.292	9.370.149.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

TP. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

Lê Nga Phương

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		11.028.314.289	11.776.337.759
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		6.033.128.838	5.402.089.848
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.273.004.127)	(948.200.221)
- Chi phí lãi vay	06		956.929.553	1.473.111.788
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.745.368.553	17.703.339.174
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(6.891.016.278)	(71.686.431.477)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(26.327.028.926)	1.468.506.210
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		35.013.544.567	34.254.174.958
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(10.053.759.147)	3.594.547
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(956.929.553)	(1.473.111.788)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(3.064.843.517)	(586.757.361)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.912.747.402	3.772.093.712
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.495.089.328)	(2.776.747.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.117.006.227)	(19.321.339.525)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(221.604.545)	(6.924.316.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.900.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.273.004.127	1.409.771.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.951.399.582	(5.514.544.544)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		55.361.913.148	59.867.988.745
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(60.791.697.058)	(31.724.889.506)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.678.958.007)	(7.784.806.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.108.741.917)	20.358.293.239
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(13.274.348.562)	(4.477.590.830)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	59.265.758.267	63.743.349.097
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		45.991.409.705	59.265.758.267

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Hạnh

Lê Nga Phương

Lê Hữu Châu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng công trình

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình công ích: Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa công trình giao thông; Duy tu sửa chữa công trình đường thủy; Quản lý bảo trì hệ thống thoát nước xử lý nước thải.

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Xây dựng công trình giao thông (công trình thủy nội địa, công trình hàng hải, cầu cảng, bến tàu, cầu tàu); Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; ...

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp : Bao gồm Văn phòng và các Xí nghiệp trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc

- Văn phòng
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9
- Xí nghiệp Công trình giao thông 10

Hoạt động kinh doanh chính

- Quản lý chung
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

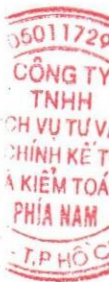
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Năm 2023

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình gồm: phần mềm kế toán, phần mềm hồ sơ cầu, phần mềm báo cáo tuần tra, phần mềm quản lý cầu. Giá trị tài sản vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Năm 2023

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

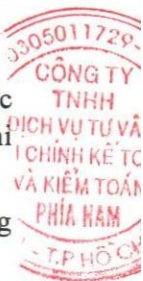
Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

Công ty

Quan hệ

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM (HFIC)

Cổ đông lớn (40%)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

15. Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động xây dựng, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP:

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	27.375.932	92.465.292
Văn phòng Công ty	18.418.634	84.429.447
Các Xí nghiệp trực thuộc	8.957.298	8.035.845
- Tiền gửi ngân hàng	33.464.033.773	44.673.292.975
Văn phòng Công ty	28.257.202.461	39.014.903.064
Các Xí nghiệp trực thuộc	5.206.831.312	5.658.389.911
- Các khoản tương đương tiền	12.500.000.000	14.500.000.000
Văn phòng Công ty	12.500.000.000	14.500.000.000
Các Xí nghiệp trực thuộc	-	-
Cộng	45.991.409.705	59.265.758.267

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xi nghiệp trực thuộc
Năm 2023

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- 2.1. Chứng khoán kinh doanh
- 2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
- 2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a. Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà (*)	-	-	3.900.000.000	-
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
c. Đầu tư vào các đơn vị khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	3.900.000.000	-

Ghi chú:

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 35/NQ-CTCP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 và số 55/NQ-CTCP-HĐQT ngày 23/6/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

3.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 1	-	499.000
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 2	101.559.000	103.688.000
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 4	-	118.000.000
- Khu quản lý đường thủy nội địa	8.053.216.233	5.904.669.233
- BQL ĐTXD CT huyện Bình Chánh	11.073.478.920	4.468.159.596
- BQL ĐTXD CT Huyện Nhà Bè	2.232.114.000	2.426.450.842
- BQL dự án lưới điện phân phối TPHCM	1.189.931.575	1.184.358.091
- BQL CT CC Huyện Tam Nông	32.563.000	32.563.000
- Trung tâm quản lý đường hầm sông Sài Gòn	581.364.449	1.625.356.550
- Sở Giao Thông Vận tải Đồng Nai	7.222.158.000	5.129.938.000
- CTCP tư vấn thiết kế Toàn Cầu	9.028.800.000	9.028.800.000
- BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	4.842.000.480	5.845.504.080
- Trung tâm Quản lý Hạ tầng Giao thông Đường bộ	88.859.476.276	78.785.937.649
- Các khoản phải thu khách hàng khác	57.464.329.473	56.150.209.809
Cộng	190.680.991.406	170.804.133.850

3.2. Dài hạn

3.3. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

: không phát sinh

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

4.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng	296.418.700	297.007.000
Cty TNHH MTV Đóng tàu và CN Hàng Hải Sài Gòn	116.235.000	116.235.000
Công ty TNHH giải trí Hoàng Hải	-	100.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	180.183.700	80.772.000
Xí nghiệp	27.175.118.276	27.770.638.613
Xí nghiệp công trình 1	1.017.183.417	-
Xí nghiệp công trình 2	43.745.000	110.502.000
Xí nghiệp công trình 3	2.657.586.200	9.151.858.706
Xí nghiệp công trình 4	12.529.163.707	2.846.181.605
Xí nghiệp công trình 5	1.180.220.463	3.364.300.296
Xí nghiệp công trình 6	8.377.640.634	2.303.471.880
Xí nghiệp công trình 7	-	3.873.233.814
Xí nghiệp công trình 8	-	25.358.000
Xí nghiệp công trình 9	1.357.394.390	6.095.732.312
Xí nghiệp công trình 10	12.184.465	-
Cộng	27.471.536.976	28.067.645.613

4.2. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Phải thu của người lao động	-	-	620.811.139	-
+ Thuế TNCN	-	-	53.720.557	-
+ Khác	-	-	567.090.582	-
- Tạm ứng	14.978.135.058	-	16.675.871.626	-
+ Văn phòng	148.506.837	-	34.978.000	-
+ Xí nghiệp trực thuộc	14.829.628.221	-	16.640.893.626	-
- Ký cược, ký quỹ	1.254.370.290	-	10.848.319.968	-
- Phải thu khác	13.078.877.634	-	13.556.112.890	-
• <i>Văn phòng</i>	2.695.432.908	-	3.546.464.565	-
+ Công ty TNHH ĐT XD CT Cầu Phà	19.000.000	-	19.000.000	-
+ XD trạm ép rác kín phường Thạnh Mỹ Lợi Q2	595.548.719	-	595.548.719	-
+ Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh	1.664.346.971	-	2.512.750.472	-
+ Lãi dự thu	21.132.909	-	28.167.106	-
+ Phải thu khác	395.404.309	-	390.998.268	-
• <i>Xí nghiệp</i>	10.383.444.726	-	10.009.648.325	-
+ Xí nghiệp công trình 1	1.169.782.215	-	1.119.104.143	-
+ Xí nghiệp công trình 2	322.545.275	-	1.282.278.521	-
+ Xí nghiệp công trình 3	2.191.369.942	-	2.191.369.942	-
+ Xí nghiệp công trình 4	99.937	-	273.676.005	-
+ Xí nghiệp công trình 5	363.470.910	-	376.328.509	-
+ Xí nghiệp công trình 6	2.784.159.171	-	2.794.200.038	-
+ Xí nghiệp công trình 7	590.544.234	-	767.826.692	-
+ Xí nghiệp công trình 8	90.473.067	-	619.072.363	-
+ Xí nghiệp công trình 9	1.601.871.406	-	296.863.845	-
+ Xí nghiệp công trình 10	1.269.128.569	-	288.928.267	-
Cộng	29.311.382.982	-	41.701.115.623	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

6 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Cty CPĐT & XD Số 17 Thăng Long	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214
- Cty CP Đầu tư Phát triển Sông Đà	719.946.000	719.946.000	719.946.000	719.946.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Du lịch Công Lý	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316
- Công ty Cổ phần Đức Phan	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000
- Cty DV bưu chính Viễn thông Sài Gòn	121.129.724	121.129.724	121.129.724	121.129.724
- Ủy ban nhân dân Quận 3	222.928.618	222.928.618	222.928.618	222.928.618
- Khác	313.007.472	313.007.472	313.007.472	313.007.472
Cộng	8.165.332.344	8.165.332.344	8.165.332.344	8.165.332.344

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	77.905.258.737	-	56.288.018.101	-
- Công cụ, dụng cụ	3.201.392.750	-	2.893.856.144	-
- Chi phí SXKDD	33.663.717.461	-	29.261.465.777	-
Cộng	114.770.368.948	-	88.443.340.022	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xi nghiệp trực thuộc
Năm 2023

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.001.163.688	5.036.393.063	73.745.834.869	756.340.272	-	91.539.731.892
- Mua trong năm	-	221.604.545	-	-	-	221.604.545
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.001.163.688	5.257.997.608	73.745.834.869	756.340.272	-	91.761.336.437
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.044.806.866	4.806.411.642	48.547.817.474	723.140.272	-	56.122.176.254
- Khấu hao trong năm	491.455.368	94.751.166	5.365.962.300	9.960.000	-	5.962.128.834
- Điều chỉnh tăng, giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.536.262.234	4.901.162.808	53.913.779.774	733.100.272	-	62.084.305.088
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.956.356.822	229.981.421	25.198.017.395	33.200.000	-	35.417.555.638
Tại ngày cuối năm	9.464.901.454	356.834.800	19.832.055.095	23.240.000	-	29.677.031.349



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	528.100.000	-	528.100.000
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	528.100.000	-	528.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	208.600.002	-	208.600.002
- Khấu hao trong năm	-	-	-	71.000.004	-	71.000.004
- Tăng do phân loại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	279.600.006	-	279.600.006
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	319.499.998	-	319.499.998
Tại ngày cuối năm	-	-	-	248.499.994	-	248.499.994



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
10.1 Ngắn hạn		
a. Văn phòng	418.676.718	779.341.409
- Công cụ dụng cụ	173.712.272	115.565.000
- Sửa chữa văn phòng	214.964.446	255.638.909
- Sửa chữa xe, xà lan	-	408.137.500
- Khác	30.000.000	-
b. Xí nghiệp	23.841.206.512	11.859.039.532
- Xí nghiệp công trình 1	440.471.412	51.616.980
- Xí nghiệp công trình 2	1.864.571.806	1.369.025.661
- Xí nghiệp công trình 4	11.446.139.437	8.442.180.191
- Xí nghiệp công trình 5	84.849.322	-
- Xí nghiệp công trình 7	2.938.997.965	725.568.458
- Xí nghiệp công trình 8	14.800.000	280.626.708
- Xí nghiệp công trình 9	5.858.769.792	951.061.268
- Xí nghiệp công trình 10	1.192.606.778	38.960.266
Cộng	24.259.883.230	12.638.380.941
10.2 Dài hạn		
a. Văn phòng	3.135.486.281	4.703.229.423
+ Sửa chữa văn phòng	-	-
+ Công cụ dụng cụ	-	-
+ Lợi thế kinh doanh (*)	3.135.486.281	4.703.229.423
+ Khác	-	-
b. Xí nghiệp	-	-
Cộng	3.135.486.281	4.703.229.423

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11.1. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Văn phòng Công ty	22.923.249.446	22.923.249.446	29.635.008.872	29.635.008.872
CTCP Công trình Giao Thông Sài Gòn	9.863.307.083	9.863.307.083	17.109.484.775	17.109.484.775
Công ty TNHH ĐT XD & PT CTGT 6	-	-	46.522.300	46.522.300
- Cty TNHH TM DV Thi công XD cầu đường Hồng	6.646.900.956	6.646.900.956	6.856.183.462	6.856.183.462
- CTCP Vận tải TM XD Công nghiệp Đức Long	-	-	3.537.324.000	3.537.324.000
- Cty TNHH TMDV và Xây dựng Chín Khiêm	1.501.200.000	1.501.200.000	-	-
- Cty TNHH DV VT XD Giao thông T&T	3.223.459.528	3.223.459.528	-	-
- Khác	1.688.381.879	1.688.381.879	2.085.494.335	2.085.494.335
b. Xí nghiệp	90.796.675.566	90.796.675.566	68.480.412.270	68.480.412.270
Xí nghiệp công trình 1	5.241.694.644	5.241.694.644	4.787.236.206	4.787.236.206
Xí nghiệp công trình 2	10.993.005.832	10.993.005.832	5.177.075.500	5.177.075.500
Xí nghiệp công trình 3	16.258.427.087	16.258.427.087	3.840.169.421	3.840.169.421
Xí nghiệp công trình 4	6.888.512.916	6.888.512.916	9.214.953.230	9.214.953.230
Xí nghiệp công trình 5	16.045.500.686	16.045.500.686	5.308.307.842	5.308.307.842
Xí nghiệp công trình 6	336.085.927	336.085.927	948.362.132	948.362.132
Xí nghiệp công trình 7	9.501.680.617	9.501.680.617	9.779.831.590	9.779.831.590
Xí nghiệp công trình 8	1.394.913.805	1.394.913.805	12.449.856.493	12.449.856.493
Xí nghiệp công trình 9	15.542.669.799	15.542.669.799	12.951.637.909	12.951.637.909
Xí nghiệp công trình 10	8.594.184.253	8.594.184.253	4.022.981.947	4.022.981.947
Cộng	113.719.925.012	113.719.925.012	98.115.421.142	98.115.421.142

11.2. Phải trả người bán là các bên liên quan

: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Khoản mục	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng khấu trừ	5.984.586.716	-	30.988.098.245	27.769.019.382	9.203.665.579	-
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	184.142.410	-	41.154.808.377	43.794.413.686	2.823.747.719	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.315.163.683	2.249.613.997	3.064.843.517	-	499.934.163
Thuế thu nhập cá nhân	-	205.941.534	629.937.955	751.791.541	-	84.087.948
Tiền thuế đất	254.904.000	-	601.148.600	601.148.600	254.904.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Chi phí phạt khác	-	-	186.472	186.472	-	-
Cộng	6.423.633.126	1.521.105.217	75.626.793.646	75.984.403.198	12.282.317.298	584.022.111

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
13.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	5.062.800	4.442.800
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	106.150.317.031	101.724.329.492
Văn phòng	3.441.953.611	7.554.766.738
+ Phòng kinh doanh	952.609.735	1.076.370.204
+ Phải trả Phòng quản lý chất lượng	8.508.924	52.208.924
+ XN công trình 7 - Nguyễn Xuân Khoa	1.336.089.647	1.805.064.585
+ Phải trả cổ tức cho cổ đông	327.659.750	3.788.767.750
+ Thuế TNCN	56.279.432	64.190.832
+ Chi phí lãi vay	-	-
+ Khác	760.806.123	768.164.443
Xí nghiệp	102.708.363.420	94.169.562.754
+ Xí nghiệp công trình 1	20.549.906.222	22.722.424.177
+ Xí nghiệp công trình 2	11.757.216.392	8.341.446.685
+ Xí nghiệp công trình 3	633.120.095	633.120.095
+ Xí nghiệp công trình 4	31.046.880.485	29.910.083.023
+ Xí nghiệp công trình 5	914.901.247	332.233.461
+ Xí nghiệp công trình 6	3.179.511.825	3.179.511.825
+ Xí nghiệp công trình 7	22.970.625.825	18.790.347.106
+ Xí nghiệp công trình 8	8.273.574.980	3.017.248.421
+ Xí nghiệp công trình 9	2.548.507.773	5.933.956.291
+ Xí nghiệp công trình 10	834.118.576	1.309.191.670
Cộng	<u>106.155.379.831</u>	<u>101.728.772.292</u>

13.2. Dài hạn

13.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xi nghiệp trực thuộc
Năm 2023

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH 14.1. Ngắn hạn

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM	36.460.548.061	36.460.548.061	52.946.735.648	60.791.697.058	28.615.586.651	28.615.586.651
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	-	-	2.415.177.500	-	2.415.177.500	2.415.177.500
Cộng	36.460.548.061	36.460.548.061	55.361.913.148	60.791.697.058	31.030.764.151	31.030.764.151

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số HD vay	Ngày HD vay	Mục đích	Hạn mức	Lãi suất (/năm)	Số dư nợ tại ngày 31/12/2022	Hình thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM	31/08/2023	Bổ sung vốn lưu động	350.000.000.000	Theo từng lần giải ngân	28.615.586.651	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	07/02/2023	Bổ sung vốn lưu động	415.000.000.000	Theo từng lần giải ngân	2.415.177.500	Theo quy định của MB từng thời kỳ
Cộng					31.030.764.151	

14.2. Dài hạn

14.3. Các khoản nợ thuê tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Năm 2023

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	91.000.000.000	-	2.619.661.304	10.079.756.210	103.699.417.514
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	9.370.149.542	9.370.149.542
- Tăng khác (*)	-	-	-	59.896.483	59.896.483
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	493.900.071	(493.900.071)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi	-	-	-	(1.481.700.212)	(1.481.700.212)
- Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(7.735.000.000)	(7.735.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	-	-	(3.640.000.000)	(3.640.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	3.113.561.375	6.159.201.952	100.272.763.327
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	8.778.700.292	8.778.700.292
- Tăng khác (*)	-	-	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi (**)	-	-	-	(2.064.201.952)	(2.064.201.952)
- Chia cổ tức năm 2022 - đợt 2 (**)	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	3.113.561.375	8.778.700.292	102.892.261.667

Ghi chú:

(*) Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 30/09/2022.

(**) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 35/NQ-CTCP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, tỷ lệ cổ tức là 8,5%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị vốn
Cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn (*)			
+ Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà nước - HFIC	40,00%	3.640.000	36.400.000.000
+ Lê Hữu Châu	8,71%	793.000	7.930.000.000
+ Tạ Thị Hồng Tâm	7,69%	700.000	7.000.000.000
+ Huỳnh Bá Lân	10,59%	963.900	9.639.000.000
+ Hoàng Mạnh Hào	11,07%	1.007.200	10.072.000.000
+ Cổ đông khác	21,93%	1.995.900	19.959.000.000
Cộng	100,00%	9.100.000	91.000.000.000

Ghi chú (*): Theo Công văn số 37/CTCP ngày 16/01/2024 của CTCP Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	91.000.000.000	91.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	91.000.000.000	91.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	4.095.000.000	11.375.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000

d. Cổ tức

	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	8,5%

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

16.1. Tài sản nhận giữ hộ	không phát sinh
16.2. Ngoại tệ các loại	không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	459.709.011.181	436.005.715.730
- Doanh thu khác	1.759.181.882	657.513.552
Cộng	<u>461.468.193.063</u>	<u>436.663.229.282</u>

1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan

: không phát sinh

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hoạt động xây lắp	424.552.939.572	403.664.992.298
- Giá vốn khác	1.640.487.719	619.363.610
Cộng	<u>426.193.427.291</u>	<u>404.284.355.908</u>

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.009.833.057	929.200.221
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	19.000.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	263.171.070	-
Cộng	<u>1.273.004.127</u>	<u>948.200.221</u>

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay, trong đó:	956.929.553	1.473.111.788
+ Văn phòng	378.759.718	431.381.262
+ Các xí nghiệp	578.169.835	1.041.730.526
- Chi phí tài chính khác	72.727.273	-
Cộng	<u>1.029.656.826</u>	<u>1.473.111.788</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	79.267.156	24.432.384
Cộng	79.267.156	24.432.384

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	76.096.470	10.448.558
Cộng	76.096.470	10.448.558

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
7.1. Chi phí bán hàng		
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.085.668.241	222.489.090
- Chi phí nhân viên quản lý	12.853.568.149	8.580.864.804
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.629.977.702	5.602.348.633
- Thuế, phí, lệ phí	604.148.600	715.247.108
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.128.491.912	3.737.893.064
- Chi phí khác bằng tiền	1.191.114.866	1.232.765.175
Cộng	24.492.969.470	20.091.607.874

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.249.613.997	2.406.188.217
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ trước ảnh hưởng đến chi phí thuế thu nhập chịu thuế năm nay	-	-
Cộng	2.249.613.997	2.406.188.217

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

8 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.028.314.289	11.776.337.759
+ Các khoản điều chỉnh tăng	219.755.698	273.603.324
. Chi phí tiền lương, thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	195.000.000	197.000.000
. Chi phí bị loại trừ	24.755.698	76.603.324
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	19.000.000
Lợi nhuận sau thuế công ty con	-	19.000.000
- Tổng thu nhập chịu thuế	11.248.069.987	12.030.941.083
+ Thuế suất thông thường	20%	20%
+ Thuế TNDN hiện hành tính trên TN chịu thuế năm nay	2.249.613.997	2.406.188.217
+ Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành.	-	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.249.613.997	2.406.188.217

9 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về "Lãi trên cổ phiếu".

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
Không phát sinh.

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:
Không phát sinh.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế	55.361.913.148	59.867.988.745

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	60.791.697.058	31.724.889.506

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xi nghiệp trực thuộc
Năm 2023

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: VND

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
Không phát sinh.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
Không phát sinh.

3 . Thông tin về các bên liên quan có phát sinh giao dịch chủ yếu trong năm

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC) Cổ đông lớn (40%)

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
+ Trả cổ tức	1.456.000.000	3.094.000.000
+ Thanh toán cổ tức	1.638.000.000	3.094.000.000
+ Tạm ứng cổ tức	-	1.456.000.000

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
+ Phải trả cổ tức	-	1.456.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2023

4. Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác như sau:

Chức danh	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị			
+ Ông. Trần Minh Trung	Chủ tịch	377.000.000	377.000.000
+ Ông. Lê Hữu Châu	Thành viên	65.000.000	60.000.000
+ Bà. Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	65.000.000	65.000.000
+ Ông. Nguyễn Quang Huy	Thành viên	65.000.000	67.000.000
+ Bà. Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên	21.666.667	65.000.000
+ Ông. Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	43.333.333	-
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.			
+ Ông. Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	327.000.000	332.000.000
+ Ông. Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	272.400.000	272.400.000
+ Ông. Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	272.400.000	272.400.000
+ Ông. Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	272.400.000	20.700.000
+ Bà. Lê Nga Phương	Kế toán trưởng	262.000.000	262.000.000
Ban Kiểm soát			
+ Ông. Lê Mạnh Thư	Trưởng ban	325.000.000	325.000.000
+ Ông. Trần Thái Phương	Thành viên	39.000.000	39.000.000
+ Ông. Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	39.000.000	39.000.000
Người phụ trách quản trị			
+ Ông. Dương Đắc Chí		65.000.000	65.000.000
Cộng		2.511.200.000	2.261.500.000

5. Số lượng Cán bộ công nhân viên tại công ty

: 344 người

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày trên là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Hạnh

Lê Nga Phương

Lê Hữu Châu